

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày: 26 - 4 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Đình Nhân
- Bà Nguyễn Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thảo Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 10/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Số X, đường T, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm: 1999, địa chỉ: Số Y, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 13/9/2023. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

- Ông Phạm D, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Tổ F, thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Phạm Thị P, sinh năm: 1979, địa chỉ thường trú: Tổ F, thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tạm trú tại: Thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H và tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà Phan Thị Ngọc T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Văn H có cho vợ chồng ông Phạm D, bà Phạm Thị P vay tiền. Ngày 10/02/2023 ông D, bà P vay ông H số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), ông D, bà P nói với ông H mục đích vay tiền để phục vụ việc kinh doanh của gia đình. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng. Ông D có lập giấy mượn tiền ngày 10/02/2023 có chữ ký của ông D. Vì tin tưởng ông D, bà P và vì vào ngày lập giấy mượn tiền bà P bận công việc nên bà P không ký vào giấy mượn tiền. Thời gian vay là 01 (một) tháng kể từ ngày vay. Quá thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận ông D, bà P không trả tiền cho ông H mặc dù ông H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông D, bà P phải trả lại tiền cho ông H nhưng ông D, bà P không có thiện chí trả tiền. Nay ông H yêu cầu ông D, bà P có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền gốc là 450.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày vay 10/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Khi vay tiền ông Phạm D có đưa cho ông H 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 802964 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/7/2012 mang tên ông K' Nerr, cập nhật biến động chuyển nhượng sang tên cho ông Phạm D, bà Phạm Thị P ngày 06/5/2021. Ông H đồng ý trả lại cho ông D, bà P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2023 bị đơn là bà Phạm Thị P trình bày:

Bà và ông Phạm D trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2008. Sau khi ly hôn khoảng 3 năm sau thì bà và ông D quay về sống chung nhưng không đăng ký kết hôn và ở tại nhà mẹ bà tại thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hộ khẩu của bà và ông D vẫn tại thôn Q, xã H, huyện Đ, còn địa chỉ tại thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là vừa bà thuê để kinh doanh. Trong thời gian quay lại chung sống bà và ông D có mua chung 01 lô đất diện tích hơn một sào tại thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà và ông D. Sau đó, ông D tự ý cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để vay tiền của ông Nguyễn Văn H. Việc ông D cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và vay tiền của ông H bà không biết, bà không ký giấy vay với ông H. Do đó, ông H yêu cầu bà liên đới trả số tiền gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi bà không đồng ý vì bà không ký giấy nợ với ông H. Việc ông D vay của ông H thì ông D phải có trách nhiệm trả cho ông H, không liên quan đến bà.

Bị đơn ông Phạm D đã được thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, không có ý kiến trình bày, không có yêu cầu phản tố.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông Phạm D có nghĩa vụ trả số tiền gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà P có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ. Nguyên đơn đồng ý trả lại cho ông D, bà P 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 802964 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/7/2012 mang tên ông K' Nerr, cập nhật biến động chuyển nhượng sang tên cho ông Phạm D, bà Phạm Thị P ngày 06/5/2021.

Bị đơn bà Phạm Thị P vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Phạm D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn ông Phạm D. Buộc ông Phạm D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi 50.422.500 đồng. Buộc ông H trả lại cho ông D, bà P 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 802964 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/7/2012 mang tên ông K' Nerr, cập nhật biến động chuyển nhượng sang tên cho ông Phạm D, bà Phạm Thị P ngày 06/5/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhưng đến hạn bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 450.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn không đồng ý nên hai bên phát sinh tranh chấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn cư trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng D sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D Hện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông Phạm D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, bà P vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Phạm Thị P có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Phạm D trả nợ cho nguyên đơn. Xét việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3] Về nội dung:

Ngày 10/02/2023 ông Phạm D vay của ông Nguyễn Văn H số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, trong giấy vay tiền không thể hiện tiền lãi. Theo ông H giấy mượn tiền do ông Phạm D tự viết và ký tên người mượn. Đến hạn ông Phạm D không trả nên ông H yêu cầu ông D trả số tiền gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[4.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ khởi kiện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là giấy mượn tiền đề ngày 10/02/2023 thể hiện nội dung ông D mượn ông H số tiền 450.000.000 đồng, giấy mượn tiền có chữ ký của người mượn ông Phạm D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm D để ông D thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng ông D không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của ông H, không có yêu cầu phản tố. Do đó, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp có cơ sở để khẳng định ông D có vay của ông H số tiền 450.000.000 đồng, ông D chưa trả cho ông H. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự cần buộc ông Phạm D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền gốc là 450.000.000 đồng.

[4.2] Đối với yêu cầu trả lãi:

Tại giấy mượn tiền ngày 10/02/2023 thể hiện thời hạn vay là 01 tháng, không thể hiện tiền lãi nên xác định đây là hợp đồng vay không có lãi nhưng có thời hạn, thời điểm đến hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả là ngày 10/3/2023. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 10/3/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/4/2024) là 13 tháng 15 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi 50.422.500 đồng ($450.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 50.422.500 \text{ đồng}$).

[5] Khi vay ông Phạm D có đưa cho ông Nguyễn Văn H 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 802964 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/7/2012 mang tên ông K'Nerr, cấp nhật biến động chuyển nhượng sang tên cho ông Phạm D và bà Phạm Thị P ngày

06/5/2021 mục đích để làm tin. Xét việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa ông D và ông H không tuân thủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, không đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên việc thế chấp này không có hiệu lực. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý trả lại cho ông D, bà P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 802964 cấp ngày 18/7/2012. Do đó cần buộc ông Nguyễn Văn H trả lại cho ông Phạm D và bà Phạm Thị P 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 802964 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/7/2012 mang tên ông K'Nerr, cập nhật biến động chuyển nhượng sang tên cho ông Phạm D và bà Phạm Thị P ngày 06/5/2021.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn bà Phạm Thị P.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn ông Phạm D.

Buộc ông Phạm D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền 500.422.500 đồng (Năm trăm triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền gốc 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi 50.422.500 đồng (Năm mươi triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Buộc ông Nguyễn Văn H trả lại cho ông Phạm D và bà Phạm Thị P 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liên với đất số BK 802964 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/7/2012 mang tên ông K' Nerr, cập nhật biến động chuyển nhượng sang tên cho ông Phạm D, bà Phạm Thị P ngày 06/5/2021.

4. Về án phí:

Buộc ông Phạm D phải chịu số tiền 24.016.900 đồng (Hai mươi bốn triệu không trăm mười sáu nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 11.896.400 đồng (*Mười một triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*) tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0002085 ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Hằng